CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quảng Ngãi, tháng 3 năm 2026

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
Ký ngày: 26/3/2026 08:39:57

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 21/5/2014, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ mười một (11) ngày 08/8/2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười một (11) ngày 08/8/2025 là 284.904.000.000 đồng *(Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng)*.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán TTE. Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện kiểm soát từ ngày 11/4/2025 theo Quyết định số 172/QĐ-SGDHCM ngày 03/4/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 507 Duy Tân, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	**Chức vụ**
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hường	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên
Ông Đinh Xuân Hoàng	Thành viên
Ban Kiểm soát	
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 26/12/2025)
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/12/2025)
Ông Lương Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19/01/2026)
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 6101177237 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
TP. KON TUM - T. KON TUM

Đinh Xuân Hoàng
Tổng Giám đốc
Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 03 năm 2026

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 77/2026/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV5

BÁO CÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2025 các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 146,59 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 109,83 tỷ đồng). Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh, triển vọng bán điện và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi các Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 28/3/2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và nhấn mạnh về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

M.S.D.N: 0101917917 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI - VIỆT NAM

Phan Huy Thắng
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2023-137-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Ngọc Châm
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2980-2024-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130 + 150)	**100**		**44.734.879.477**	**34.204.819.572**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**265.080.696**	**10.314.466.069**
1. Tiền	111		265.080.696	10.314.466.069
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**44.220.568.832**	**23.253.856.075**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	42.009.610.610	17.402.486.707
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	915.587.582	5.006.187.333
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.830.630.640	845.182.035
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(535.260.000)	-
III. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**249.229.949**	**636.497.428**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	249.229.949	636.497.428
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	**200**		**752.331.617.113**	**881.648.981.040**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**34.600.000**	**53.747.965**
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	34.600.000	53.747.965
II. Tài sản cố định	**220**		**667.498.208.513**	**705.567.536.205**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	667.498.208.513	705.567.536.205
- *Nguyên giá*	*222*		*1.148.656.207.643*	*1.147.531.636.643*
- *Giá trị hao mòn luỹ kế*	*223*		*(481.157.999.130)*	*(441.964.100.438)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.8**	**78.524.121.645**	**171.606.340.952**
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		78.524.121.645	171.606.340.952
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**6.274.686.955**	**4.421.355.918**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	6.224.674.748	4.262.226.175
2. Lợi thế thương mại	269		50.012.207	159.129.743
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**797.066.496.590**	**915.853.800.612**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**417.798.574.699**	**623.396.856.048**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**191.326.903.393**	**144.035.116.361**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	3.853.328.800	3.985.658.650
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		624.224.873	624.224.873
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	20.114.225.343	8.123.727.867
4. Phải trả người lao động	314		2.352.914.435	794.221.860
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	4.679.861.919	9.239.106.235
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	8.362.262.553	34.437.172.689
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	150.883.081.283	86.374.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		457.004.187	457.004.187
II. Nợ dài hạn	**330**		**226.471.671.306**	**479.361.739.687**
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.12	94.487.380.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	131.600.000.000	468.300.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		384.291.306	11.061.739.687
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**379.267.921.891**	**292.456.944.564**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.14**	**379.267.921.891**	**292.456.944.564**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*284.904.000.000*	*284.904.000.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.187.286	32.187.286
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.324.194.279	2.026.367.979
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*2.026.367.979*	*20.962.614.589*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*86.297.826.300*	*(18.936.246.610)*
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.007.540.326	5.494.389.299
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)	**440**		**797.066.496.590**	**915.853.800.612**

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Ngọc Thu	Trần Văn Giang	Đinh Xuân Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		142.933.276.876	122.015.657.920
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**6.1**	**142.933.276.876**	**122.015.657.920**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	58.555.938.661	54.190.259.008
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**84.377.338.215**	**67.825.398.912**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	64.286.763.071	11.020.346.101
7. Chi phí tài chính	22	6.4	49.470.752.938	67.919.289.110
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*49.470.752.938*	*60.825.032.133*
8. Phần lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	**24**		**(8.576.486.737)**	**(17.696.480.426)**
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.348.984.184	6.177.628.594
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	**30**		**83.267.877.427**	**(12.947.653.117)**
12. Thu nhập khác	31		178.229.210	133.406.064
13. Chi phí khác	32		564.580.854	1.215.743.492
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**	**6.6**	**(386.351.644)**	**(1.082.337.428)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**82.881.525.783**	**(14.029.990.545)**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	6.747.996.837	1.172.529.295
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.8	(10.677.448.381)	3.539.436.501
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**86.810.977.327**	**(18.741.956.341)**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		86.297.826.300	(18.936.246.610)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông	62		513.151.027	194.290.269
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	3.029	(665)

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Ngọc Thu	Trần Văn Giang	Đinh Xuân Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**82.881.525.783**	**(14.029.990.545)**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		39.193.898.692	39.163.919.902
- Các khoản dự phòng	03		535.260.000	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.616.008.904)	6.676.134.325
- Chi phí lãi vay	06		49.470.752.938	60.825.032.133
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	*08*		*170.465.428.509*	*92.635.095.815*
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(21.781.168.756)	242.755.783.052
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		75.890.008.542	(222.824.711.476)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(1.575.181.094)	1.327.716.582
- Tiền lãi vay đã trả	14		(54.029.997.254)	(61.587.844.069)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.105.784.814)	(1.429.914.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*		*167.863.305.133*	*50.876.125.674*
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(420.000.000)	(257.360.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
3. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	26		94.668.232.570	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.995.641	23.712.677
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*		*94.278.228.211*	*3.766.352.677*
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(272.190.918.717)	(85.270.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*		*(272.190.918.717)*	*(85.270.000.000)*
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**(10.049.385.373)**	**(30.627.521.649)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**10.314.466.069**	**40.941.987.718**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**5.1**	**265.080.696**	**10.314.466.069**

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Ngọc Thu	Trần Văn Giang	Đinh Xuân Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tiền thân là Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6101177237 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 21/5/2014, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ mười một (11) ngày 08/8/2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ mười một (11) ngày 08/8/2025 là 284.904.000.000 đồng *(Hai trăm tám mươi bốn tỷ, chín trăm lẻ bốn triệu đồng)*.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán TTE. Cổ phiếu của Công ty đang thuộc diện kiểm soát từ ngày 11/4/2025 theo Quyết định số 172/QĐ-SGDHCM ngày 03/4/2025 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 507 Duy Tân, phường Đăk Cấm, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 43 người (tại ngày 31/12/2024 là 44 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH Trung Việt	Quảng Ngãi	Sản xuất điện	98%	98%	98%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Đắk Lắk	Sản xuất điện	43%	43%	43%
Đơn vị trực thuộc					
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng				
Văn phòng đại điện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng				

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của Công ty do Công ty kiểm soát (Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa của Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính ngày 31/12/2025 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính ngày 31/12/2025 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, Công ty con là Công ty TNHH Trung Việt.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 146,59 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2025 là 109,83 tỷ đồng). Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, Công ty hoàn toàn có khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu chi tiết theo công trình và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao

Thời gian khấu hao và phương pháp khấu hao Tài sản cố định được thực hiện nhất quán và có thể được thay đổi khi có sự thay đổi đáng kể cách thức thu hồi lợi ích kinh tế của Tài sản cố định.

Dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Ne và Dự án Nhà máy Thủy điện Đăk Bla 1 được điều chỉnh thời hạn hoạt động lên 49 năm và 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu theo Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 và Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh Kon Tum. Theo đó Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian khấu hao của 2 Nhà máy này kể từ kỳ kế toán năm 2021 để phù hợp với thời gian hoạt động của dự án.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao cụ thể:

Tài sản cố định hữu hình	**Số năm**
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 45
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu một lần khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định rằng khoản này không thể thu hồi toàn bộ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.
Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay của Công ty bao gồm:

- Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- Phần phân bổ cho các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng kỳ theo từng khế ước vay;
- Chi phí phát hành trái phiếu phải trả cho đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ quản lý tài sản đảm bảo căn cứ theo hợp đồng đã ký.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên ''Biên bản xác nhận chỉ số công tơ. sản lượng điện năng và giá bán điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt'' hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Trung - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa;...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu thực hiện trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN với thuế suất ưu đãi là 10% đối với thu nhập từ dự án Nhà máy thủy điện Đăk Ne, theo quy định tại khoản 1, Điều 20, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015).

Dự án Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Năm 2025 là năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất thuế TNDN 10% và là năm thứ 4 giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Dự án này do đầu tư vào địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được khi Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	46.033.822	53.623.205
Tiền gửi ngân hàng	219.046.874	10.260.842.864
Tổng	**265.080.696**	**10.314.466.069**

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	42.009.610.610	17.402.486.707
Tổng	**42.009.610.610**	**17.402.486.707**

5.3 Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty CP Xây dựng và Thương mại 789 Hà Nội	-	3.670.942.153
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	535.260.000
Đài khí tượng thủy văn tỉnh Kon Tum	-	411.305.500
Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường Kon Tum	105.000.000	105.000.000
Các nhà cung cấp khác	275.327.582	283.679.680
Tổng	**915.587.582**	**5.006.187.333**

5.4 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	**1.830.630.640**	-	**845.182.035**	-
Tạm ứng	1.830.630.640	-	840.182.035	-
Ông Hồ Thanh Tiến	*1.573.961.410*	-	*437.322.248*	-
Ông Hoàng Hữu Điền	*70.785.721*	-	*99.483.336*	-
Đối tượng khác	*185.883.509*	-	*303.376.451*	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	5.000.000	-
Dài hạn	**34.600.000**	-	**53.747.965**	-
Ký quỹ, ký cược	34.600.000	-	53.747.965	-
Tổng	**1.865.230.640**	-	**898.930.000**	-
Trong đó phải thu khác là Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)	*1.644.747.131*	-	*536.805.584*	-

5.5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán	**535.260.000**	**(535.260.000)**	-	-	-	-
Công ty TNHH tư vấn xây dựng 78	535.260.000	(535.260.000)	-	-	-	-
Tổng	**535.260.000**	**(535.260.000)**	-	-	-	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**249.229.949**	**636.497.428**
Công cụ dụng cụ	8.874.995	13.918.182
Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà máy	165.180.351	223.862.212
Chi phí thuê văn phòng	72.000.000	168.290.002
Chi phí thí nghiệm hiệu chỉnh	-	60.998.612
Chi phí ngắn hạn khác	3.174.603	169.428.420
Dài hạn	**6.224.674.748**	**4.262.226.175**
Công cụ dụng cụ	532.896.845	856.144.423
Chi phí sửa chữa nhà máy	4.717.184.583	2.927.950.899
Chi phí dài hạn khác	974.593.320	478.130.853
Tổng	**6.473.904.697**	**4.898.723.603**

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**845.688.285.352**	**295.154.556.592**	**5.456.902.893**	**1.231.891.806**	**1.147.531.636.643**
Tăng trong năm	**612.611.000**	**511.960.000**	**-**	**-**	**1.124.571.000**
Mua trong năm	-	511.960.000	-	-	511.960.000
Xây dựng hoàn thành	612.611.000	-	-	-	612.611.000
Số dư tại ngày 31/12/2025	**846.300.896.352**	**295.666.516.592**	**5.456.902.893**	**1.231.891.806**	**1.148.656.207.643**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**284.315.578.814**	**151.806.044.080**	**5.086.399.765**	**756.077.779**	**441.964.100.438**
Tăng trong năm	**23.806.720.234**	**15.027.367.160**	**210.568.391**	**149.242.907**	**39.193.898.692**
Khấu hao trong năm	23.806.720.234	15.027.367.160	210.568.391	149.242.907	39.193.898.692
Số dư tại ngày 31/12/2025	**308.122.299.048**	**166.833.411.240**	**5.296.968.156**	**905.320.686**	**481.157.999.130**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại ngày 01/01/2025	**561.372.706.538**	**143.348.512.512**	**370.503.128**	**475.814.027**	**705.567.536.205**
Số dư tại ngày 31/12/2025	**538.178.597.304**	**128.833.105.352**	**159.934.737**	**326.571.120**	**667.498.208.513**

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố để bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025: 667.011.702.656 đồng (tại ngày 01/01/2025: 704.721.218.986 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 5.124.255.549 đồng (tại ngày 01/01/2025: 3.630.403.261 đồng).

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025 (VND)				01/01/2025 (VND)	
	% Vốn nắm giữ	% Quyền biểu quyết	Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng (1)	0,00%	0,00%	-	-	85.800.000.000	69.245.982.174
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi (2)	0,00%	0,00%	-	-	52.800.000.000	25.009.494.360
Công ty Cổ phần đầu tư Thủy điện Đá Đen	43,00%	43,00%	77.400.000.000	78.524.121.644	77.400.000.000	77.350.864.419
Tổng			**77.400.000.000**	**78.524.121.644**	**216.000.000.000**	**171.606.340.952**

Trong năm 2025, Công ty đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại 2 công ty liên kết theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 58/2025/NQ-TTE ngày 15/10/2025 v/v Điều chỉnh phương án sử dụng nguồn vốn trái phiếu và phê duyệt mua lại trái phiếu trước hạn:

(1) Chuyển nhượng 5.362.500 cổ phần tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng tương đương 31,18% vốn điều lệ của với giá chuyển nhượng 17.000 đồng/cổ phần cho bà Vũ Thị Thanh Hoa theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2025/HĐCN-ĐB-TTE ngày 04/11/2025 với tổng giá trị chuyển nhượng là 91.162.500.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng đã được thanh lý tại ngày 06/11/2025.

(2) Chuyển nhượng 4.800.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Buởi tương đương 38,40% vốn điều lệ của với giá chuyển nhượng 12.000 đồng/cổ phần cho bà Nguyễn Thị Hồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/2025/HĐCN-HVTB-TTE ngày 04/11/2025 với tổng giá trị chuyển nhượng là 57.600.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng đã được thanh lý tại ngày 06/11/2025.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc gia	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000
Đài khí tượng thủy văn tỉnh Kontum	306.305.500	306.305.500	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện	587.171.818	587.171.818	587.171.818	587.171.818
Các đối tượng khác	361.451.482	361.451.482	800.086.832	800.086.832
Tổng	**3.853.328.800**	**3.853.328.800**	**3.985.658.650**	**3.985.658.650**

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	**8.123.727.867**	**40.719.905.523**	**28.729.408.047**	**20.114.225.343**
Thuế giá trị gia tăng	4.301.796.500	12.138.576.085	10.437.333.556	6.003.039.029
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.135.764.762	6.747.996.837	1.105.784.814	6.777.976.785
Thuế thu nhập cá nhân	35.474.960	1.357.311.510	250.134.163	1.142.652.307
Thuế tài nguyên	1.158.071.681	14.214.290.237	11.667.293.210	3.705.068.708
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.492.619.964	6.261.730.854	5.268.862.304	2.485.488.514

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	2.080.861.919	6.640.106.235
Chi phí phát hành trái phiếu (*)	2.599.000.000	2.599.000.000
Tổng	**4.679.861.919**	**9.239.106.235**

(*) Theo Hợp đồng đại lý quản lý Tài sản bảo đảm số 01/HĐ-ĐLQLTS/21 ngày 15/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh.

5.12 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**8.362.262.553**	**34.437.172.689**
Ông Bùi Xuân Huy (1)	-	21.613.030.136
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (2)	-	8.479.880.000
Bà Bùi Thị Thanh Huyền (3)	8.362.262.553	4.294.262.553
Công Ty Cổ Phần GE Tây Nguyên	-	50.000.000
Dài hạn	**94.487.380.000**	-
Ông Nguyễn Thăng Long (4)	94.487.380.000	-
Tổng	**102.849.642.553**	**34.437.172.689**

(1) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 06/4/2022 giữa ông Bùi Xuân Huy và Công ty, thực hiện đầu tư phát triển mới hoặc hợp tác với các đối tác để phát triển dự án có hiệu quả kinh tế nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 250 tỷ đồng. Hợp đồng đã được thanh lý tại ngày 01/12/2025.

(2) Khoản mượn tiền bà Đoàn Thị Ngọc Thu nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Hợp đồng số 01/2025/HĐMT/TTE-NT ngày 10/01/2025, hạn mức tối đa là 15 tỷ đồng và số 02/2025/HĐMT/TTE-NT ngày 15/4/2025, hạn mức tối đa là 10 tỷ đồng với thời hạn 1 năm. Hợp đồng đã được thanh lý tại ngày 31/12/2025.

(3) Khoản mượn tiền của bà Bùi Thị Thanh Huyền nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo:

- Hợp đồng mượn tiền số 03/2025/HĐMT/TTE-TH ngày 20/12/2025, với hạn mức tối đa là 3 tỷ đồng, thời hạn 06 tháng.

- Hợp đồng mượn tiền số 01/2025/HĐMT/TV-TH ngày 28/8/2025, với hạn mức tối đa là 10 tỷ đồng, thời hạn 09 tháng.

(4) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2025/HTĐT/NTL-TTE ngày 25/12/2025 giữa ông Nguyễn Thăng Long và Công ty nhằm thực hiện các giao dịch đầu tư nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 103 tỷ đồng. Chi tiết danh mục và hạng mục đầu tư cụ thể sẽ được các bên thỏa thuận theo các Phụ lục đính kèm hợp đồng tại từng thời điểm.

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

a. *Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn*

	31/12/2025 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	**98.583.081.283**	**98.583.081.283**	**89.100.000.000**	**76.890.918.717**	**86.374.000.000**	**86.374.000.000**
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (1)	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	31.600.000.000	31.600.000.000	31.600.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000	28.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Kon Tum (3)	-	-	-	6.074.000.000	6.074.000.000	6.074.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (4)	58.483.081.283	58.483.081.283	49.000.000.000	35.016.918.717	44.500.000.000	44.500.000.000
Vay dài hạn	**131.600.000.000**	**131.600.000.000**	**-**	**89.100.000.000**	**220.700.000.000**	**220.700.000.000**
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Kon Tum (1)	19.600.000.000	19.600.000.000	-	8.500.000.000	28.100.000.000	28.100.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (2)	-	-	-	31.600.000.000	31.600.000.000	31.600.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Gia Định (4)	112.000.000.000	112.000.000.000	-	49.000.000.000	161.000.000.000	161.000.000.000
Tổng	**230.183.081.283**	**230.183.081.283**	**89.100.000.000**	**165.990.918.717**	**307.074.000.000**	**307.074.000.000**

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

a. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ký ngày 28/12/2016, số tiền vay là 74 tỷ đồng, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Công trình nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐTCTS-TV ngày 28/12/2016. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTĐH/SĐBS-02 ngày 09/6/2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 08/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị khoản vay chuyển sang là 93 tỷ đồng. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014. Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Nhà máy thủy điện Đăk Ne, công suất 8,1 MW và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện (Nhà máy thủy điện Đăk Ne) giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 1 tháng/lần.

(3) Theo Hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-200900523 ngày 12/6/2009 kèm các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, số tiền vay: 44 tỷ đồng; mục đích vay: thực hiện đầu tư dự án thủy điện Đăk Pia; thời hạn vay: 192 tháng; lãi suất cho vay: theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ, điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Tài sản đảm bảo: toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đăk Pia theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 5100-LCL-201600073 ngày 14/3/2016 kèm các phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung khác.

(4) Theo Hợp đồng mua, bán nợ số 02/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 20/6/2023 kèm phụ lục sửa đổi, bổ sung và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02.1/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 21/6/2023 chuyển khoản vay của Công ty từ Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Mê Thuột theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 600-29/15/VAB/HĐTDHDN ngày 15/5/2015 sang vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định, số tiền vay gốc: 395 tỷ đồng; số tiền vay chuyển đổi: 260,5 tỷ đồng; mục đích vay: đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 tại xã Đăk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, công suất 15MW; thời hạn vay: 168 tháng từ ngày 15/5/2015 đến ngày 15/5/2029; lãi suất cho vay: theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; tài sản đảm bảo: quyền tài sản phát sinh gắn liền với dự án nhà máy thủy điện Đăk Bla 1; toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án nhà máy thủy điện Đăk Bla 1; toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 và quyền tài sản đối với phần vốn góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Trái phiếu phát hành

Biến động của các khoản trái phiếu phát hành trong năm

Đơn vị tính: VND

Mã trái phiếu	TTEH2124001	Tổng
a) Ngắn hạn		
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	-
Phân loại trái phiếu dài hạn đến hạn trả	52.300.000.000	52.300.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2025	**52.300.000.000**	**52.300.000.000**
b) Dài hạn		
Số dư tại ngày 01/01/2025	**247.600.000.000**	**247.600.000.000**
Mua lại trái phiếu trước hạn	(195.300.000.000)	(195.300.000.000)
Phân loại trái phiếu dài hạn đến hạn trả	(52.300.000.000)	(52.300.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	-	-

Thông tin chi tiết về các khoản trái phiếu

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá trị (VND)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (Tháng)	Giá trị (VND)	Lãi suất (%)	Kỳ hạn (Tháng)
Trái phiếu thường						
Trái phiếu phát hành						
- Phát hành theo mệnh giá	**52.300.000.000**			**247.600.000.000**		
+ Mã TTEH2124001 (*)	*52.300.000.000*	*11,0%*	*60*	*247.600.000.000*	*11,0%*	*60*
Tổng	**52.300.000.000**			**247.600.000.000**		

(*) Theo Hợp đồng dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐĐL/NSI-TTE ngày 05/10/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021:

Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (TTEH2124001); Mã trái phiếu: TTE12101; Số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu; Số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2.499 trái phiếu; Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa của trái phiếu thực tế phát hành là 11%/năm; Kỳ hạn trả lãi là 6 tháng/lần; Hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ; Phương thức phát hành là đại lý phát hành; Loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; Tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia. Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ đồng. Đại lý quản lý tài khoản và tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng;

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

b. Trái phiếu phát hành (Tiếp theo)

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi với tổng giá trị là 52,8 tỷ đồng;

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với tổng giá trị là 77,4 tỷ đồng;

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy với tổng giá trị là 85,8 tỷ đồng;

- Thực hiện đầu tư vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt với số tiền là 25,5 tỷ đồng và tái cơ cấu khoản vay với số tiền là 8,5 tỷ đồng.

Đến thời điểm ngày 26/12/2025, Công ty đã thanh toán nợ gốc do trái phiếu mua lại trước hạn trong năm là 195,3 tỷ đồng theo Nghị quyết số 58/2025/NQ-TTE ngày 15/10/2025 và Nghị quyết số 67/2025-NQ-TTE ngày 25/12/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc thông qua phương án mua lại trái phiếu trước hạn: thông qua nội dung về điều chỉnh phương án sử dụng nguồn vốn trái phiếu đã phát hành (Mã trái phiếu: TTEH2124001) - Thoái toàn bộ vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng và Công ty cổ phần thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi; Nguồn tiền để thanh toán một phần gốc và lãi trái phiếu TTEH2124001 là số tiền thu về từ hoạt động thoái vốn Công ty liên kết và nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau khi mua lại, số dư nợ trái phiếu mới điều chỉnh là 52,3 tỷ đồng.

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**20.931.921.586**	**5.277.995.782**	**311.146.104.654**
Lỗ trong năm trước	-	-	(18.936.246.610)	194.290.269	(18.741.956.341)
Điều chỉnh khác	-	-	51.740.327	1.055.924	52.796.251
Giảm khác	-	-	(21.047.324)	21.047.324	-
Số dư tại ngày 31/12/2024	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**2.026.367.979**	**5.494.389.299**	**292.456.944.564**
Số dư tại ngày 01/01/2025	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**2.026.367.979**	**5.494.389.299**	**292.456.944.564**
Lãi trong năm nay	-	-	86.297.826.300	513.151.027	86.810.977.327
Số dư tại ngày 31/12/2025	**284.904.000.000**	**32.187.286**	**88.324.194.279**	**6.007.540.326**	**379.267.921.891**

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Bà Lê Thị Hạnh	22.889.000.000	22.889.000.000
Bà Nguyễn Thu Hằng	13.675.000.000	13.675.000.000
Bà Đào Thị Phương Mai	13.950.000.000	13.950.000.000
Các cổ đông khác	234.390.000.000	234.390.000.000
Tổng	**284.904.000.000**	**284.904.000.000**

c. *Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu*

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	**284.904.000.000**	**284.904.000.000**
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	**284.904.000.000**	**284.904.000.000**

d. *Cổ phiếu*

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**28.490.400**	**28.490.400**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**28.490.400**	**28.490.400**
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**28.490.400**	**28.490.400**
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu thuần bán điện		
Nhà máy thủy điện Đăk Ne	47.658.375.321	44.349.323.668
Nhà máy thủy điện Tà Vi	15.049.921.804	11.922.350.301
Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	67.211.977.488	53.438.786.532
Nhà máy thủy điện Đăk Pia	13.013.002.263	11.701.017.426
Khác	-	604.179.993
Tổng	**142.933.276.876**	**122.015.657.920**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán điện		
Nhà máy thủy điện Đăk Ne	18.867.452.063	18.159.910.530
Nhà máy thủy điện Tà Vi	7.687.623.284	6.553.837.666
Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	25.134.831.495	22.903.799.285
Nhà máy thủy điện Đăk Pia	6.866.031.819	6.572.711.527
Tổng	**58.555.938.661**	**54.190.259.008**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	64.256.767.430	-
Lãi tiền gửi	29.995.641	23.712.677
Lãi từ hợp tác kinh doanh	-	10.996.633.424
Tổng	**64.286.763.071**	**11.020.346.101**

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	49.470.752.938	60.825.032.133
Chi phí phát hành trái phiếu	-	1.806.432.320
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	5.287.824.657
Tổng	**49.470.752.938**	**67.919.289.110**

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên quản lý	4.821.666.413	3.771.555.022
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.313.474	33.724.533
Thuế phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
Chi phí dự phòng	535.260.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.172.886.704	1.457.068.075
Chi phí bằng tiền khác	666.740.057	799.163.428
Lợi thế thương mại được phân bổ	109.117.536	109.117.536
Tổng	**7.348.984.184**	**6.177.628.594**

6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác	**178.229.210**	**133.406.064**
Xử lý công nợ	178.229.210	133.406.064
Chi phí khác	**564.580.854**	**1.215.743.492**
Chi phí phạt thuế, hành chính	523.854.745	1.196.404.825
Chi phí khác	40.726.109	19.338.667
Lợi nhuận khác	**(386.351.644)**	**(1.082.337.428)**

6.7 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.747.996.837	1.172.529.295
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**6.747.996.837**	**1.172.529.295**

6.8 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	3.539.436.501
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(10.677.448.381)	-
Tổng	**(10.677.448.381)**	**3.539.436.501**

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.734.789.267	111.140.500
Chi phí nhân công	14.509.667.528	11.425.606.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.184.597.322	39.163.919.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.836.192.830	3.901.953.124
Chi phí khác bằng tiền	5.104.415.898	5.765.267.603
Chi phí dự phòng	535.260.000	-
Tổng	**65.904.922.845**	**60.367.887.602**

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau Thuế thu nhập doanh nghiệp	**86.297.826.300**	**(18.936.246.610)**
Các khoản điều chỉnh		
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	**86.297.826.300**	**(18.936.246.610)**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.029	(665)

(*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Công ty liên kết đến thời điểm 06/11/2025
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi	Công ty liên kết đến thời điểm 06/11/2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong năm, Công ty có các giao dịch với cổ đông và nhân sự chủ chốt:

Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch	120.000.000	120.000.000
Bà Lê Thị Thu Hường	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ban Kiểm soát			
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban	84.000.000	84.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc	435.025.000	482.000.000
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	81.695.833	133.500.000
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	603.156.576	435.300.000
Ông Hồ Thanh Tiến	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	319.296.250	230.000.000
Người quản lý khác			
Ông Hoàng Việt Anh	Trưởng phòng kiểm toán nội bộ	60.000.000	60.000.000
Ông Tô Minh Quang	Phó phòng kiểm toán nội bộ (Miễn nhiệm ngày 29/11/2025)	55.000.000	60.000.000
Tổng		**1.871.173.659**	**1.712.800.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khác				
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	70.785.721	99.483.336
Ông Hồ Thanh Tiến	Nguyên Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.573.961.410	437.322.248
Tổng			**1.644.747.131**	**536.805.584**

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đoàn Thị Ngọc Thu	Trần Văn Giang	Đinh Xuân Hoàng

CPA VIETNAM

Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org